

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 13 - 01 - 2025.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và ông Nguyễn Hồng Nguyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Như Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 527/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn H – sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở hiện tại: 58 H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng C – sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(anh H và chị C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Trần Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Hồng C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009 và được Ủy ban nhân dân xã P cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/11/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại tổ A, ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Do đó trong cuộc sống chung không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Từ năm 2019 cho đến nay, anh đi làm xa nên vợ chồng ít gặp nhau. Nay tình cảm không còn nên anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng C.

Về con chung: Anh và chị C có 02 con chung:

- Trần Minh N – sinh ngày: 18/7/2010.

- Trần Minh Q – sinh ngày: 02/3/2012.

Tại đơn khởi kiện, anh yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Nay anh đồng ý giao 02 con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cả 02 con chung mỗi tháng 4.000.000đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng C trình bày:

Chị và anh Trần Văn H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009 và được Ủy ban nhân dân xã P cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/11/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại tổ A, ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được khoảng vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Tuy nhiên, anh H đã xin lỗi và chị đã tha thứ. Sau đó, anh H đi làm ở tỉnh Lâm Đồng và vẫn thường xuyên về nhà. Đến cuối năm 2023, anh H về thăm nhà và không nói chuyện cùng gia đình, sau đó bỏ đi làm cho đến nay. Nay anh H yêu cầu được ly hôn thì chị không đồng ý vì chị vẫn còn thương yêu chồng, con và chị theo Đ Công giáo không cho phép ly hôn.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung:

- Trần Minh N – sinh ngày: 18/7/2010.

- Trần Minh Q – sinh ngày: 02/3/2012.

Nếu phải ly hôn, chị yêu cầu nuôi dưỡng cả 02 con chung và đồng ý với việc anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 4.000.000đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp và Tòa án thu thập đã được Tòa án ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng anh H và chị C đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, cho anh Trần Văn H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng C.

+ Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung là Trần Minh N – sinh ngày: 18/7/2010 và Trần Minh Q – sinh ngày: 02/3/2012 cho chị Nguyễn Thị Hồng C trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh H phải cấp dưỡng cho 02 con chung mỗi tháng 4.000.000đ cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Anh H và chị C kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Đề nghị Hội đồng không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Đề nghị buộc anh Trần Văn H phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Trần Văn H khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng C. Chị C đang cư trú tại huyện T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Hồng C là các đương sự trong vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Anh H và chị C kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai vào ngày 03/11/2009. Nay anh H yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị C nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 11, 85, 89, 91, 92, 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị C tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 03/11/2009. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Anh H yêu cầu ly hôn với lý do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Chị C không đồng ý ly hôn do chị vẫn còn thương yêu chồng, con và chị theo Đ Công giáo không cho phép ly hôn. Tuy nhiên, chị cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do anh H có quan hệ tình cảm với người khác, anh H thường xuyên đi làm ăn xa nên hai vợ chồng không có tiếng nói chung. Đồng thời qua xác minh tại địa

phương thể hiện đời sống chung của vợ chồng anh chị không hạnh phúc, anh H đi làm xa, không thường xuyên về nhà.

Xét thấy hôn nhân của anh H và chị C trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn H là cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng C.

[3.2]. Về con chung: Anh H và chị C có 02 con chung là:

- Trần Minh N – sinh ngày: 18/7/2010.
- Trần Minh Q – sinh ngày: 02/3/2012.

Về nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H và chị C đều thống nhất giao cả 02 con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, bản thân chị C có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Từ khi anh H đi làm xa đến nay, các con chung sống cùng chị C và được chị C chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng tốt. Mặt khác, các con chung đều có nguyện vọng sống cùng chị C. Vì vậy, để tránh xáo trộn cuộc sống của các con chung nên Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H tự nguyện cấp dưỡng cho 02 con chung mỗi tháng 4.000.000đ. Chị C đồng ý với ý kiến trên của anh H. Do đó, Hội đồng xét xử buộc anh Trần Văn H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 4.000.000đ cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

[3.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh H và chị C kê khai không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì anh Trần Văn H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[5]. Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Các Điều 11, 85, 89, 91, 92, 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn H. Cho anh Trần Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng C.

2. Về con chung: Anh H và chị C có 02 con chung là:

- Trần Minh N – sinh ngày: 18/7/2010.

- Trần Minh Q – sinh ngày: 02/3/2012.

Giao cả 02 con chung cho chị Nguyễn Thị Hồng C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Văn H phải cấp dưỡng nuôi cả 02 con chung mỗi tháng 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 01/2025. Anh H có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh H và chị C kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0013631 ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

5. Quyền kháng cáo: Anh H và chị C có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã Phú Xuân: Đề ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH số 130, cấp ngày 03/11/2009);
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Lợi